TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-PT
Ngày: 03 - 3- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng;

2. Ông Nguyễn Phước Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Yến Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 21/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Chau U, do có kháng cáo của bị cáo Chau U và bị hại Phạm Văn R đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Chau U, sinh năm: 1992; giới tính: Nam; nơi sinh: Huyện TT, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Đạo phật; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông: Chau D, sinh năm 1961 và bà Neáng Vanh N (đã chết); Gia đình có 06 (sáu) anh, em, bị cáo là người nhỏ nhất; sống chung như vợ chồng với Neáng Sóc K, sinh năm 1993 ; bị cáo có 02 (hai) người con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020;

Qúa trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, không đi học, sống bằng nghề làm thuê; Tiền án,Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29-8-2021 đến nay ;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Chau U: Ông Hà Quang V, sinh năm 1971, là Trợ giúp viên pháp lý của Trútng tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang;

Địa chỉ: Số 8/18, đường LTK, phường Mỹ Bình , thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị hại: Ông Phạm Văn R, sinh năm 1960; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3. 1. Chau Kim C, sinh ngày 19/6/2006; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện Tri T ôn, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Chau Kim C: Bà Neáng Kim H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang. Bà Huệ là mẹ rútột của Chau Kim C; vắng mặt.

3. 2. Chau M, sinh ngày 02/7/2009; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Chau M: Bà Neáng P, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang. Bà Neáng P là mẹ rútột của Chau M; vắng mặt.

3. 3. Đặng Thị Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm TB, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. 4. Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.5. Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khóm TB, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. 6. Chau D, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện TT, tỉnh An Giang ; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

Phạm Thị Kim C5, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khóm TL, thị trấn CT, huyện Tri T ôn, tỉnh An Giang; vắng mặt.

5. Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Nguyễn Thị P3, là Phiên dịch viên Phòng Dân tộc, Đài Phát thanh, Trútyền hình tỉnh An Giang; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 06-7-2021, Chau U cùng Chau Kim C, sinh ngày 19-6-2006 và Chau M, sinh ngày 02-7-2009, đi săn bắt chuột ở cặp bờ kênh 15, gần nhà ông Phạm Văn R (thuộc khóm TL, thị trấn CT, huyện TT). Lúc này U thấy đàn vịt loại giống siêu trứng Khakicampell của ông R đang để trong rào lưới bao quanh dưới kênh nên Ú rủ C và M bắt trộm vịt bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, C và M đồng ý. Khi đó, Ú kêu C mở góc lưới hạ xuống cho vịt bơi ra ngoài, rồi cả nhóm lùa vịt lên bờ và dùng lưới rào bắt trộm 100 con vịt đem về nhà cất giấu. Sau đó, U thuê Nguyễn Văn S chở số vịt lấy trộm bán cho bà Đặng Thị Đ (trú tại khóm TB,

thị trấn CT, huyện TT) được 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và chia nhau tiêu xài hết. Đến ngày 29-8-2021, U và Cu đến Công an thị trấn CT đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi bắt trộm vịt.

Ngày 07- 9 - 2021, bị cáo U bị khởi tố, bị tạm giam để điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 64 (sáu mươi bốn) con vịt, loại vịt Khakicampell, màu nâu đen, trọng lượng mỗi con khoảng 1,8kg (đã trả cho bị hại Phạm Văn R).

- 01 (một) xe mô tô biển số 67N1-127.66, số máy: C52E-1171305, số khung: 5283DY37255, nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RS, màu đen đỏ, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67N1-127.66 tên Nguyễn Hoàng B (đã trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Văn S).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trình bày như sau:

- Bị cáo Chau U khai nhận phù hợp với nội dung vụ án.

- Bị hại ông Phạm Văn R trình bày: Ông có nuôi 3.800 con vịt loại vịt siêu trứng giống Khakicampell, màu nâu đen đang được rào lưới biển (lưới đánh cá) ở ngay mép kênh phía vách trái nhà ông R thuộc khu vực khóm TL, thị trấn CT, huyện TT. Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 06/7/2021 ông R về nhà thì thấy vợ ông đang lùa vịt ở nơi rộng vịt đi vào chuồng. Trong lúc lùa vịt ông R thấy lưới rào vịt ở 03 cọc cây bị ai đó mở dây làm vịt bơi ra được ngoài kênh 15. Đến khoảng 09 giờ ngày 07-7-2021 ông R đếm lại vịt trong tổng số 3.800 con thì biết được đã mất 163. Ông R cho rằng cứ 7 ngày mới kiểm đếm lại vịt một lần. Khi đếm xong thấy thiếu nhưng ông R và vợ cũng không nghi ngờ gì, vì nghĩ do cọc lưới không chắc chắn nên vịt bơi ra ngoài, tuy nhiên sau đó vợ chồng ông R có trình báo Công an thị trấn CT, huyện TT về sự việc trên. Khoảng 01 tuần sau thì ông R có nghe vợ ông nói lại việc Chau Kim C có nói cậu nó là Chau U chở vịt đi bán cho bà Đ, Chau U mướn người tên S chạy xe đi bán vịt. Sau đó ông R cùng với Chau Kim C đến nhà bà Đ thì biết đó là số vịt của mình bị mất, nên đã trình báo Công an thị trấn CT. Sau khi trao đổi với bà Đ về số vịt nêu trên thì bà Đ đồng ý giao lại cho ông R 64 con vịt còn lại trong tổng số 100 con vịt bà Đ mua của Chau U.

Sau sự việc trên ông Phạm Văn R yêu cầu xử lý hình sự đối với Chau U và yêu cầu bồi thường 99 con vịt chưa thu hồi (trong tổng số 163 con vịt bị mất chứ không phải 100 con vịt như lời khai ban đầu của ông) được trị giá 1con/100.000 đồng = 9.900.000 đồng và số tiền 24.000.000 đồng tiền trứng của 5,5 tháng vịt đẻ.

- Chau Kim C và Chau M trình bày: Khoảng 11 giờ ngày 06-7-2021, Cu cùng bị cáo Chau U và M đi bắt chuột trên cánh đồng, khi đến khu vực nhà ông M2 (sau này mới biết ông M2 tên là R) tì thấy bầy vịt của ông R đang ăn trên bờ và dưới kênh có lưới rào bao lại. Chau U nói với C và M "Ê tụi mày bắt vịt của bà mười đem bán chia tiền tiêu", Cu và M đồng ý. Khi đó Cu về nhà ông ngoại tên Chau D (cha bị cáo Chau U) lấy lưới rồi quay trở lại thấy Chau U và M đã lùa vịt đi xuống rútộng cách xa bờ kênh. Sau đó lấy lưới rào vịt lại, xong bị cáo U đi về

nhà lấy 02 cái bao màu vàng, loại bao đựng lúa rồi quay lại, còn M bỏ về nhà. C và Chau U ở lại, C cầm bao cho Chau U bắt vịt bỏ vào bao đem về để dưới ao sau nhà của Chau U, không biết số lượng là bao nhiêu con. Sau khi bắt vịt xong, Chau U đi kêu S chạy xe chở U đi bán vịt và đến chỗ bà Đ hỏi giá mua vịt và bà Đ đồng ý mua vịt giá 40.000 đồng/1 con. Bị cáo U đi 03 lượt, mỗi lượt 02 bao vịt. Khi hết vịt trong ao thì Cu về nhà, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo U gặp Cu nói bán được 100 con vịt được trả 4.000.000 đồng nhưng mới lấy được 2.000.000 đồng, U cho C 500.000 đồng, bị cáo U trả cho S 200.000 đồng tiền công chở. Đến ngày 08-7-2021 khi bị cáo U đang nhậu ở nhà S, bị cáo U hỏi mượn tiền C 225.000 đồng trong số tiền bị cáo đưa cho C trước đó còn số tiền còn lại C tiêu xài hết. Sau đó bị cáo gặp M cho M tiền bán vịt trộm được mà có nhưng M không lấy do sợ bị gia đình la, đến ngày 08-7-2021 M bị Công an mời về làm việc.

- Ông Nguyễn Văn S trình bày: Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 06-7-2021, S đang ở nhà thì U đi bộ đến nhà S kêu S chở đi bán vịt rồi U trả tiền xe cho S, S đồng ý. Sau đó S một mình điều khiển xe mô tô biển số 67N1-127.66 đi đến nhà chị của U. Lúc này khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, U kêu S chở Cu đi hỏi bán vịt ở chỗ bà Đ làm nghề mua bán gà, vịt, khi đến nhà bà Đ thì Cu đi vào nói gì với bà Đ, S không rõ, khoảng 5 đến 10 phút sau Cu đi ra kêu S chở Cu về lấy vịt. Số lượng vịt bao nhiêu thì S không biết. Sau khi bán xong bị cáo U lấy tiền trả cho S 200.000 đồng tiền chở thuê, sau đó S về nhà và sự việc sau đó diễn ra như thế nào thì S không biết. Đối với số tiền 200.000 S được U trả, S đã tiêu xài hết, hiện nay không có khả năng giao nộp lại. Hiện nay S đã nhận lại xe mô tô biển số 67N1-127.66.

- Bà Đặng Thị Đ trình bày: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06-7-2021 bà Đ đang ở nơi dành nhốt gà, vịt để bán thì có một người nam khoảng 35 tuổi điều khiển xe mô tô chở theo một người nam khoảng 15 tuổi đến chỗ bà Đ và hỏi“ bà có mua vịt không”. Bà Đ trả lời “ nếu vịt ,khoảng 1,2 kg/con trở lên thì mua 40.000 đồng, còn nhỏ dưới 1,2kg thì mua giá 30.000 đồng đến 35.000 đồng, người nam này nói để quay về bắt vịt xuống cho coi. Bà Đ hỏi “vịt của ai” người nam khmer nói “vịt của cậu tôi”. Sau đó cả hai chạy xe đi một lúc sau quay lại chở theo 01 bao loại bao đựng lúa bên trong có đựng vịt. Tổng cộng bà Đ mua là 100 con với số tiền là 4.000.000 đồng, bà Đ chỉ trả cho thanh niên này 2.000.000 đồng và nói trong ba ngày nữa nếu không có ai đến nhìn vịt thì bà Đ mới trả cho thanh niên này số tiền 2.000.000 đồng còn lại. Đến ngày 08-7-2021 người thanh niên người Khmer này đi đến nhà bà Đ lấy số tiền còn lại là 2.000.000 đồng. Sau đó bà Đ biết số vịt do trộm mà có, đến ngày 16-8-2021 bà Đ giao cho Công an thị trấn CT 64 con vịt, còn lại 36 con vịt bà đã làm thịt bán hết. Sau khi sự việc xảy ra bà Đ không không yêu cầu gì đối với Chau U và cam đoan không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau.

Ông Nguyễn Hoàng B trình bày: Xe mô tô biển số 67N1-127.66 là của B bán lại cho Nguyễn Văn S vào khoảng 02 tháng trước với giá 15.000.000 đồng. Do nghĩ là bà con họ hàng nên không sang tên chủ sở hữu, B không biết gì về sự việc S dùng xe mô tô chở vịt đi bán nêu trên.

Ông Chau D khai: Việc Cu và U trộm vịt của người khác vào ngày 06-7-2021 ông không biết vì ngày hôm đó ông đi chùa cho đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì ông mới về đến nhà. Hiện nay ông Dôn đã nhận lại lưới để sử dụng nên không có yêu cầu gì khác.

- Người làm chứng bà Phạm Thị Kim C5 trình bày: Bà cùng chồng là Phạm Văn R có nuôi bầy vịt giống Khakicampell. Khoảng 12 giờ ngày 06-7-2021, ông R đi mua lúa cho vịt ăn, bà Chi ở nhà một mình, bầy vịt có dùng lưới rào xung quanh cho ăn trên bờ và dưới kênh 15. Do lúc này trời mưa nên bà Chi ở trong nhà chứ không ra ngoài kênh xem vịt. Một lúc sau bà Chi ra ngoài xem vịt thì thấy góc lưới rào vịt phía ngoài giữa kênh bị tuột một góc lưới xuống nước vịt bơi ra ngoài, nên bà Chi lùa vịt vào sau đó ông R cũng đi về cùng bà Chi lùa vịt vào. Sau đó kiểm đếm thấy mất vịt nhưng không nghi ngờ ai. Sau đó 01 tuần, khoảng 12 giờ trưa thì Cu có đến và nói cho bà Chi biết việc thấy cậu của Cu là Chau U mang vịt đi bán cho bà Đ ở chợ CT. Hiện nay vợ chồng bà đã nhận lại 64 con vịt.

Tại kết luận định giá số 67/KL-HĐ ĐG.TTHS ngày 01-9-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TT kết luận: 100 con vịt, loại giống vị siêu trứng Khakicampell. Tổng giá trị tài sản: 10.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSTT ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT truy tố bị can Chau U về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Chau U phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chau U 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo, được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29-8-2021 (ngày hai chín, tháng tám, năm hai ngàn không trăm hai mươi mốt).

Căn cứ vào Điều Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Văn R. Buộc bị cáo Chau U có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Văn R số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, bị cáo Chau U có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2021 bị cáo Chau U có đơn rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 30/12/2021 bị hại Phạm Văn R kháng cáo với các nội dung sau: Yêu tăng hình phạt đối với bị cáo; đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Đặng Thị Đ về hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có; yêu cầu bị cáo phải

bồi thường tổng số tiền 9.90.000 (chín triệu chín trăm nghìn) đồng; yêu cầu được miễn án phí dân sự, với lý do bị hại là người cao tuổi, hoàn cảnh gia đình đang rất khó khăn.

Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo xác nhận đã có đơn rút lại yêu cầu kháng cáo, với các lý do: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, việc rút kháng cáo là tự nguyện, không bị ép buộc. Nay bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến rút kháng cáo.

- Trình bày về quá trình thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Chau U thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giữ nguyên mức án và số tiền bồi thường như án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị hại Phạm Văn R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

+ Về tố tụng:

Bị cáo Chau U đã rút lại toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự Đình chỉ phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với đơn kháng cáo của bị hại Phạm Văn R được nộp trong hạn luật định, đơn có nội dung rõ ràng, nên đề nghị chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về giải quyết vụ án:

Về nội dung kháng cáo của bị hại, xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận bị cáo Chau U phạm tội "Trôm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về tính chất, mức độ hành vị của bị cáo đã thực hiện và các tình tiết giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ.

Trong giai đoạn điều tra, ông R trình bày bị mất 100 con vịt, đã nhận lại 64 con, yêu cầu bị cáo bồi thường 36 con vịt không thu hồi được với số tiền là 3.600.000 đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại cho rằng bị mất trộm 163 con vịt, đã nhận lại 64 con vịt, yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá 99 con vịt không thu hồi được với số tiền 9.900.000đ và 24.000.000đ tiền mất thu nhập đối với 99 con vịt đẻ trứng trong thời gian 5,5 tháng, nhưng ông R không có chứng cứ chứng minh bị cáo đã lấy trộm của ông là 163 con vịt, ông R cũng không chứng minh được

số vịt bị mất nếu còn sẽ đẻ trứng cho thu nhập trong thời gian 5,5 tháng với số tiền là 9.900.000đ.

Đối với Đặng Thị Đ có hành vi mua vịt của Chau U, nhưng Đ không biết số vịt trên do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt ra xem xét trách nhiệm hình sự là có cơ sở. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, ông R không có ý kiến về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Đ. Sau khi xét xử sơ thẩm ông R mới kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông R không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để xác định bà Đ có biết việc số vịt mua lại của bị cáo là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Đ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Phạm Văn R; sửa về án phí dân sự sơ thẩm đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo Chau U phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chau U 01 (một) năm tù.

Căn cứ vào Điều Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn R. Ông R không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Ông Hà Quang V trình bày lời bào chữa cho bị cáo Chau U tại phiên tòa phúc thẩm: Thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu tăng hình phạt và tăng số tiền bồi thường đối với bị cáo. Không có ý kiến đối với các nội dung kháng cáo khác của bị hại.

- Bị hại Phạm Văn R không trình bày tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Đối với bà Đặng Thị Đ đã được Tòa án phúc thẩm triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà Đ đã có lời khai trong giai đoạn đều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Việc vắng mặt của bà Đ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử

phúc thẩm vụ án. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

- Đối với các đương sự như: Chau Kim C, Neáng Kim H, Chau M, Neáng P, Nguyễn Văn S, Nguyễn Hoàng B, Chau Pôn do không có quyền, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo của bị hại Phạm Văn R, nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[1.2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, xét thấy:

Đơn kháng cáo của bị cáo Chau U, bị hại Phạm Văn R được nộp trong hạn luật định, đơn có nội dung rõ ràng, nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, do trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo Chau U có đơn rút lại toàn bộ kháng cáo, xét việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử Đình chỉ phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chau U.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo, xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 06/7/2021 bị cáo Chau U đã có hành vi cùng với Chau Kim C, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009 và Chau M, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2009 lén lU lấy trộm 100 con vịt, loại giống siêu trứng Khakicamoell, trị giá 10.000.000 đồng của ông Phạm Văn R. Hành vi bị cáo Chau U đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với Chau Kim C và Chau M do chưa đủ tuổi chị trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không khởi tố là có căn cứ.

Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Chau U là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn nhiều sức lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm 100 con vịt của ông R nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS, cụ thể là bị cáo rủ rê, xúi giục Chau Kim C và Chau M là người dưới 18 tuổi cùng với bị cáo lấy trộm vịt của ông R đem về nhà bị cáo, nên cần phải có một hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi của bị cáo.

Tuy nhiên, xét bị cáo có các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc thành phần lao động nghèo, không biết chữ, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chau U 01 (một) năm tù là có đánh giá đúng về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, ông R trình bày bị mất 100 con vịt, đã nhận lại 64 con, yêu cầu bị cáo bồi thường 36 con vịt không thu hồi được với số tiền là 3.600.000 đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại cho rằng bị mất trộm 163 con vịt, đã nhận lại 64 con vịt, yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá 99 con vịt không thu hồi được với số tiền 9.900.000đ và 24.000.000đ tiền mất thu nhập đối với 99 con vịt đẻ trứng trong thời gian 5,5 tháng, nhưng ông R không có chứng cứ chứng minh bị cáo đã lấy trộm của ông là 163 con vịt, ông R cũng không chứng minh được số vịt bị mất nếu còn sẽ đẻ trứng cho thu nhập trong thời gian 5,5 tháng với số tiền là 9.900.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Rốt trị giá 36 con vịt với số tiền 3.600.000 đ là có cơ sở.

Ông R kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng mức bồi thường đối với bị cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông R không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên kháng cáo này của ông R không được chấp nhận.

[2.2] Về kháng cáo của ông Phạm Văn R yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Đặng Thị Đ:

Bà Đặng Thị Đ có hành vi mua vịt của Chau U, nhưng bà Đ không biết số vịt trên do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện TT không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Đ là có cơ sở. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, ông R không có ý kiến về việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Đ. Sau khi xét xử sơ thẩm ông R mới kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của bà Đ về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông R không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác để xác định bà Đ có biết việc số vịt mua lại của bị cáo là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Đ.

[2.3] Về kháng cáo của ông Phạm Văn R yêu cầu được miễn án phí:

Theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, thì Rốt là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn chịu án phí nếu có đơn yêu cầu miễn án phí. Do ở cấp sơ thẩm ông R không có đơn xin miễm án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông chịu án phí đối với phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại của ông không được chấp nhận là có cơ sở. Tuy nhiên, khi kháng cáo ông R có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông R.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ nội dung kháng cáo của bị cáo; chấp nhận nội dung kháng cáo xin miễn án phí dân sự sơ

thẩm đối với ông Phạm Văn R, các nội dung kháng cáo còn lại của ông R không được chấp nhận; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang về án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông R được chấp nhận một phần, nên ông R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1. Đình chỉ đối với phần kháng cáo của bị cáo Chau U về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại ông Phạm Văn R. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang về án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Chau U phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Chau U 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo, được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29-8-2021 (ngày hai chín, tháng tám, năm hai ngàn không trăm hai mươi mốt).

Căn cứ vào Điều Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Văn R.

- Buộc bị cáo Chau U có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Văn R số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi Sất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Ông Phạm Văn R được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TT;
- TAND huyện TT;
- Công an huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND thị trấn CT, huyện TT;
- Phòng KTNV & THAHS;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AG;
- Sở Tư pháp tỉnh AG;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn